

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2025

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sâm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Phước Tường  
2. Ông Võ Văn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hương G, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Đặng Duy K, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G, anh K có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hương G trình bày: Chị và anh Đặng Duy K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Trinh. Sau khi cưới, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K không quan tâm vợ con, không lo lắng gì cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 07/2024 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị G yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị G và anh K có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Gia Y, sinh ngày 17/8/2024. Hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Theo Tờ tự khai đề ngày 18/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Duy K trình bày: Anh và chị G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Trinh. Sau khi cưới, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị G không muốn sống chung với gia đình anh.

Về quan hệ hôn nhân: Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Có 01 con chung như chị G trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa: Chị G vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Anh K đồng ý ly hôn với chị G, đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị G có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con chung của chị và anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị G yêu cầu xin ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của chị và anh K, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

### [2]. Về nội dung vụ án:

#### [2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Nguyễn Hương G và anh Đặng Duy K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Trinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số **03 ngày 08/01/2024**. Sau khi cưới, vợ chồng anh, chị chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị G trình bày do anh K không quan tâm vợ con, không lo lắng gì cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh K cũng xác định vợ chồng bất đồng quan điểm không thể chung sống. Anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 07/2024 đến nay. Tại phiên tòa, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị G. Do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị G với anh K là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:*

- Về yêu cầu nuôi con chung: Chị G và anh K có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Gia Y, sinh ngày 17/8/2024. Hiện con chung đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy con chung của anh, chị còn nhỏ, dưới 01 tuổi và từ trước đến nay do chị G nuôi dưỡng đã ổn định. Do vậy để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung cũng như tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung xét thấy cần giao con chung tên Nguyễn Gia Y, sinh ngày 17/8/2024 cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị G có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh K không đồng ý. Xét thấy cháu Y là con chung của chị G và anh K. Sau khi ly hôn anh K là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 82, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G.

- Về mức cấp dưỡng: Chị G yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G là cũng tương đương với  $\frac{1}{2}$  tháng lương tối thiểu vùng ở địa phương và cũng phù hợp với mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị G. Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị G mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi **bản án có hiệu lực pháp luật** đến khi con chung tên Nguyễn Gia Y đủ 18 tuổi.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung:* Không có, nên không đặt ra xem xét.

[3]. **Về án phí:** Chị G và anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị G và anh K được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Hương G và anh Đặng Duy K.

**2. Về con chung:**

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Hương G.

Giao con chung tên Đặng Nguyễn Gia Y, sinh ngày 17/8/2024 cho chị Nguyễn Hương G tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị G.

Buộc anh Đặng Duy K cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Nguyễn Gia Y, sinh ngày 17/8/2024 mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi **bản án có hiệu lực pháp luật** đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh K chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không có.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí sơ thẩm:**

- Chị G chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0016092** ngày **06/11/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên chị G được hoàn lại 225.000 đồng.

- Anh K phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng tiền án phí sơ thẩm anh K phải chịu là 375.000 đồng.

**6. Về quyền kháng cáo:**

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Trinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sâm**